

## Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

(Áp dụng cho đơn vị sử dụng nước)

### A. THÔNG TIN CHUNG

- Tên đơn vị sử dụng nước: Công ty Cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
- Địa chỉ: Khu công nghiệp Mỹ Xuân A2, Phường Phú Mỹ, TP HCM.
- Công suất bể chứa: 20.000 m<sup>3</sup> / Tổng số nhân viên được cung cấp nước: 776.
- Tên đơn vị cấp nước: Công ty cổ phần cấp nước Phú Mỹ.
- Thời gian kiểm tra: ngày 05 tháng 03 năm 2026.
- Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước: 2 mẫu, mẫu 1 lấy tại bể chứa, mẫu 2 lấy tại vòi nước.

### B. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

| TT | Mã số mẫu, lấy mẫu<br>Các thông số                                  | 1    | 2    | Đơn vị tính                  | Giới hạn tối đa<br>cho phép | Đánh giá<br>(đạt/không đạt) |
|----|---------------------------------------------------------------------|------|------|------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
|    | <b>Thông số nhóm A</b>                                              |      |      |                              |                             |                             |
|    | <i>a. Thông số vi sinh vật</i>                                      |      |      |                              |                             |                             |
| 1  | Coliform tổng số                                                    | <1   | <1   | CFU/100 mL<br>hoặc MPN/100mL | < 1                         | Đạt                         |
| 2  | <i>E. coli</i> hoặc Coliform chịu nhiệt                             | <1   | <1   | CFU/100 mL<br>hoặc MPN/100mL | < 1                         | Đạt                         |
|    | <i>b. Thông số cảm quan và hoá học</i>                              |      |      |                              |                             |                             |
| 3  | Màu sắc                                                             | 14   | 9,0  | TCU                          | 15                          | Đạt                         |
| 4  | Mùi                                                                 | **   | **   | -                            | **                          | Đạt                         |
| 5  | pH                                                                  | 7,68 | 7,55 | -                            | Trong khoảng<br>6,0-8,5     | Đạt                         |
| 6  | Độ đục                                                              | 0,63 | 0,32 | NTU                          | 2                           | Đạt                         |
| 7  | Asen (Arsenic) (As)                                                 | KPH  | KPH  | mg/L                         | 0,01                        | Đạt                         |
| 8  | Clo dư tự do                                                        | 0,75 | 0,95 | mg/L                         | Trong khoảng<br>0,2- 1,0    | Đạt                         |
| 9  | Permanganat                                                         | 0,89 | 0,43 | mg/L                         | 2                           | Đạt                         |
| 10 | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) | 0,16 | 0,21 | mg/L                         | 1                           | Đạt                         |
|    | <b>Thông số nhóm B</b>                                              |      |      |                              |                             |                             |
| 1  | Trực khuẩn mủ xanh<br>( <i>Pseudomonas aeruginosa</i> )             | <1   | <1   | CFU/100mL                    | < 1                         | Đạt                         |
| 2  | Tụ cầu vàng ( <i>Staphylococcus aureus</i> )                        | <1   | <1   | CFU/100mL                    | < 1                         | Đạt                         |

\*\* : Không có mùi lạ

KPH: Không phát hiện

**C. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC (nếu có)**

.....Không.....

**D. ĐỀ NGHỊ (nếu có):**

.....Không.....

Phú Mỹ, ngày 17 tháng 03 năm 2026

Người lập

(Ký, ghi rõ họ tên)

CHANG, PO-MIN

Phó Tổng quản lý Khôi sản xuất

# Results of Quality Internal Test of Clean Water Used for Domestic Purposes

(Applies to water consumer)

## A. GENERAL INFORMATION

1. Name of water consumer: China Steel & Nippon Steel Vietnam Joint Stock Company.
2. Address: My Xuan A2 Industrial Park, Phu My Ward, Ho Chi Minh City.
3. Reservoir capacity: 20,000 m<sup>3</sup> / Total employee supplied with water: 776.
4. Name of water supplier: Phu My Water Supply Joint Stock Company.
5. Sampling date: March 05, 2026.
6. Number of samples and sampling locations: 2 samples; sample No.1 taken from clean water reservoir; sample No. 2 taken from the faucet.

## B. WATER QUALITY TEST RESULTS

| No. | Sample ID / Sampling Parameters                                 | 1    | 2    |  | Unit                       | Permissible limit | Evaluation (pass/fail) |
|-----|-----------------------------------------------------------------|------|------|--|----------------------------|-------------------|------------------------|
|     | <b>Group A parameters</b>                                       |      |      |  |                            |                   |                        |
|     | <i>a. Microbiological parameters</i>                            |      |      |  |                            |                   |                        |
| 1   | Total Coliform                                                  | <1   | <1   |  | CFU/100 mL<br>or MPN/100mL | < 1               | Pass                   |
| 2   | Thermotolerant <i>E.coli</i> or Coliform                        | <1   | <1   |  | CFU/100 mL<br>or MPN/100mL | < 1               | Pass                   |
|     | <i>b. Sensory and chemical parameters</i>                       |      |      |  |                            |                   |                        |
| 3   | Color                                                           | 14   | 9.0  |  | TCU                        | 15                | Pass                   |
| 4   | Odor                                                            | **   | **   |  | -                          | **                | Pass                   |
| 5   | pH                                                              | 7.68 | 7.55 |  | -                          | Between 6.0 – 8.5 | Pass                   |
| 6   | Turbidity                                                       | 0.63 | 0.32 |  | NTU                        | 2                 | Pass                   |
| 7   | Arsenic (As)                                                    | KPH  | KPH  |  | mg/L                       | 0.01              | Pass                   |
| 8   | Free chlorine                                                   | 0.75 | 0.95 |  | mg/L                       | Between 0.2 – 1.0 | Pass                   |
| 9   | Permanganate                                                    | 0.89 | 0.43 |  | mg/L                       | 2                 | Pass                   |
| 10  | Ammonia (NH <sub>3</sub> and NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> as N) | 0.16 | 0.21 |  | mg/L                       | 1                 | Pass                   |
|     | <b>Group B parameters</b>                                       |      |      |  |                            |                   |                        |
| 1   | <i>Pseudomonas aeruginosa</i>                                   | <1   | <1   |  | CFU/100mL                  | < 1               | Pass                   |
| 2   | <i>Staphylococcus aureus</i>                                    | <1   | <1   |  | CFU/100mL                  | < 1               | Pass                   |

\*\* : No abnormal odor

KPH: Negative

**C. CORRECTIVE MEASURES (if any)**

.....No.....

**D. RECOMMENDATIONS (if any):**

.....No.....

Phu My, date 17 month 03 year 2026

Prepared by  
(Signature and full name)



CHANG, PO-MIN

Assistant Vice President of Production Division

| No.                 | Parameter                                                       | Unit                    | Acceptable limit  | Test method | Result |
|---------------------|-----------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------|-------------|--------|
| 1                   | Total Coliform                                                  | CFU/100 ml or MPN/100ml | <1                | Pass        | Pass   |
| 2                   | Thermotolerant & coliform                                       | CFU/100 ml or MPN/100ml | <1                | Pass        | Pass   |
| 3                   | Color                                                           | TCU                     | 15                | Pass        | Pass   |
| 4                   | Odor                                                            | -                       | no                | Pass        | Pass   |
| 5                   | pH                                                              | -                       | Between 6.5 - 8.5 | Pass        | Pass   |
| 6                   | Turbidity                                                       | NTU                     | 3                 | Pass        | Pass   |
| 7                   | Ammonia (As)                                                    | mg/L                    | 0.01              | Pass        | Pass   |
| 8                   | Free chlorine                                                   | mg/L                    | Between 0.2 - 1.0 | Pass        | Pass   |
| 9                   | Chlorophyll                                                     | mg/L                    | 3                 | Pass        | Pass   |
| 10                  | Ammonia (NH <sub>3</sub> and NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> as N) | mg/L                    | 1                 | Pass        | Pass   |
| Group II parameters |                                                                 |                         |                   |             |        |
| 1                   | Residual chlorine                                               | CFU/100ml               | <1                | Pass        | Pass   |
| 2                   | Sludge, fecal coliform                                          | CFU/100ml               | <1                | Pass        | Pass   |

\*: No abnormal value  
N/A: Negative